

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 20/8/2019.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Bình.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 11/8/2019. Về: **“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS ngày 17/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- DS ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn h (trước là Thôn u), xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1989 và chị Lê Thị T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn g (trước là Thôn d), xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh P có mặt tại phiên tòa; anh L, chị T đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Phạm Thanh P trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau nên anh L- chị T có hỏi và được anh cho mượn tiền để lo công việc gia đình. Đến ngày 01/2/2019, vợ chồng anh L, chị T và anh đã xác định lại số tiền hiện anh L- chị T đã mượn là 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Khi mượn tiền, anh L- chị T đã tự nguyện viết nội dung vào giấy mượn tiền trên mẫu đã đánh máy sẵn do anh cung cấp, có nội dung mượn anh số tiền là 35.800.000 đồng, hẹn đến ngày 01/3/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên. Anh đã cung cấp Giấy mượn tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Quá thời gian hẹn trả nợ và anh đã nhiều lần trực tiếp gặp anh L-chị T để yêu cầu anh, chị lo thu xếp trả nợ cho anh nhưng anh L-chị T cứ khất nợ hết lần này đến lần khác mà không trả tiền cho anh. Đến ngày 11/3/2019, anh

đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Kbang yêu cầu anh L-chị T phải trả cho anh số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi anh L-chị T phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 35.800.000 đồng (*ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*) với phương thức trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày người được thi hành án (Phạm Thanh P) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Nguyễn Duy L và Lê Thị T) thi hành án xong khoản tiền nợ gốc 35.800.000 đồng, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ do anh P giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 01/02/2019, có nội dung là “...GIẤY MƯỢN TIỀN; Hôm nay, ngày 1 tháng 2 năm 2019. Tôi tên là: Nguyễn Duy L (và) Lê Thị T; Sinh ngày 2 tháng 9 năm 1989; Ở tại: Thôn j, xã N, Kbang, Gia Lai;... Có mượn số tiền của ông (bà) PHẠM THANH PHUỜNG; Ở thôn h, xã N- Huyện K- Tỉnh Gia Lai. Số tiền: (35.800.000) ba mươi lăm triệu tám trăm)..; Đến ngày 1 tháng 3 năm 2019” người mượn tiền ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Duy L, Lê Thị T.; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Phạm Thanh P (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thanh P (bản sao).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh, chị như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa, để anh, chị thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng anh, chị đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Mặc dù, tại các thời điểm Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thì anh, chị đều có mặt tại địa phương nhưng không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, cố tình trốn tránh nhận trực tiếp các văn bản tố tụng trên, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn anh Phạm Thanh P và bị đơn anh Nguyễn Duy L, chị Lê Thị T là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là anh P và bên vay là anh L- chị T. Quan

hệ này được lập thành văn bản, với thời hạn cho vay có kỳ hạn nhưng không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Anh P là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng đề triệu tập anh L- chị T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng anh L- chị T đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là anh P và người vay là anh L- chị T được thực hiện giao kết hợp đồng dân sự là việc bên vay và bên cho vay cùng xác lập bằng 01 Giấy mượn tiền, đề ngày 01/02/2019. Bản chính của Giấy mượn tiền, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án làm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Giấy mượn tiền được viết trên mẫu đánh sẵn có nội dung: “...*Giấy mượn tiền; Hôm nay, ngày 1 tháng 2 năm 2019..Tôi tên là: Nguyễn Duy L (vợ) Lê Thị T...; Sinh ngày 2 tháng 9 năm 1989; Ở tại: Thôn h, xã N, K, Gia Lai;...Có mượn số tiền của ông (bà) PHẠM THANH P; Ở thôn h, xã N- Huyện K- Tỉnh Gia Lai. Số tiền: (35.800.000) ba mươi lăm triệu tám trăm)..; Đến ngày 1 tháng 3 năm 2019 Người mượn tiền: Ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Duy L và Lê Thị T.*”.

HĐXX xem xét và thấy hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều có mặt tại nơi địa phương nơi cư trú, nhưng đều cố tình vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, điều này đã mặc nhiên thể hiện bị đơn hiện vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền như đã ghi nhận trong giấy mượn tiền mà hai bên đã tự nguyện xác lập ghi ngày 01/02/2019.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh P, buộc bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T phải trả cho anh P số tiền nợ gốc 35.800.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh P được chấp nhận toàn bộ nên anh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Anh L- chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 35.800.000 đồng x 5% = 1.790.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108, 144, 147; 227; 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh P, buộc bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn anh Phạm Thanh P số tiền nợ gốc là 35.800.000 đồng (*ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án (Phạm Thanh P) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Nguyễn Duy L và Lê Thị T) thi hành án xong khoản tiền nợ gốc 35.800.000 đồng, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T phải chịu 1.790.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Phạm Thanh P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 895.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006805 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/8/2019), nguyên đơn anh Phạm Thanh P có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

ĐỖ THỊ LÀNH

